

Bản án số: 122/2022/DS-ST
Ngày: 11/8/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Kim Tiên
2. Bà Lê Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Tổ 1, K3, thị trấn C, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1972;

Ông Lê Văn S, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 6, xã N, huyện C, tỉnh B.

Địa chỉ tạm trú: ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh L

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 6, xã N, huyện C, tỉnh B.

(Bà Huyền, Ông T có mặt; Bà P, Ông S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày như sau:

Do có quan hệ quen biết nên bà có cho Bà Lê Thị P và Ông Lê Văn S vay tiền nhiều lần trong đó cụ thể: Mượn tiền lần 1: Ngày 09/4/2014 Bà Lê Thị P và Ông Lê Văn S có nhờ em rể là anh Nguyễn Hữu Thủy sinh năm 1975 Địa chỉ cư trú: ấp 6, xã N, huyện C, tỉnh B vay dùm 20.000.000 đồng của bà để Ông S Bà P đầu tư chăn nuôi heo và chăm sóc cây cao su đang khai thác mủ. Thời hạn vay là 3 tháng, lãi suất vay là 0,8%/tháng, do là chỗ quen biết nên hai bên không làm giấy tờ hợp đồng ghi nhận với nhau chỉ thỏa thuận miệng. Mượn tiền lần 2: Ngày 09/9/2014, Bà Lê Thị P có đến nhà bà để vay thêm 15.000.000 đồng nói để mua cám heo máy bữa trưa, lãi suất vay là 0,8% tháng. Do chỗ quen biết nên các bên không lập giấy tờ chỉ nói miệng với nhau.

Từ khi cho vay đến nay, bà nhiều lần đến nhà và điện thoại hỏi yêu cầu Bà P trả nợ nhưng chị Phượng, anh Sang cứ hẹn lần lượt nhưng không trả.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Bà P và Ông S phải trả nợ gốc và nợ lãi của khoản tiền nợ gốc 20.000.000 đồng vay ngày 09/4/2014 với lãi suất là 0,8%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 09/4/2014 tạm tính đến ngày xét xử (ngày 11/8/2022) là 20.000.000 đồng và buộc Bà P, Ông S phải trả nợ lãi của khoản tiền nợ gốc 15.000.000 đồng vay ngày 09/9/2014 với lãi suất là 0,8%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 09/9/2014 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn Bà Lê Thị P và Ông Lê Văn S thống nhất trình bày: Ông, bà có quen biết với Bà Nguyễn Thị Thanh H. Ông, bà thừa nhận do cần tiền sử dụng vào mục đích kinh doanh nên trước đây ông, bà có vay nợ của Bà Nguyễn Thị Thanh H nhưng sau đó không có tiền trả nên Bà H đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Và ông, bà đã thi hành án xong cho Bà H. Riêng số tiền 15.000.000 đồng Bà H yêu cầu là số tiền lãi chưa được giải quyết nên ông bà thừa nhận chỉ còn nợ Bà H số tiền 15.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà xin không trả số tiền này. Riêng đối với số tiền 20.000.000 đồng Bà H khởi kiện, ông bà không có nợ Bà H số tiền này nên không trả. Ngoài ra Ông S Bà P có đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hữu T trình bày: Ông là hàng xóm với bà Huyền, là em rể của Ông Lê Văn S. Trước đây Ông S có gọi điện thoại cho ông nói là Ông S có vay của Bà H số tiền 20.000.000 đồng nên nhờ ông đến lấy từ Bà H về giao lại cho Ông S. Về số tiền Bà H tranh chấp 15.000.000 đồng thì ông hoàn toàn không biết gì vì ông chỉ có nhận tiền từ bà Huyền 20.000.000 đồng để đưa cho Ông S. Nay Bà H khởi kiện yêu cầu Ông S, Bà P thanh toán số tiền 20.000.000 đồng và số tiền 15.000.000 đồng ông không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Bà Nguyễn Thị Thanh H thay đổi yêu cầu khởi cụ thể như sau: Bà H yêu cầu buộc Bà P và Ông S phải trả nợ gốc và nợ lãi của khoản tiền nợ gốc 20.000.000 đồng vay ngày 09/4/2014 với lãi suất là 0,8%/tháng thời gian tính lãi từ ngày 09/4/2014 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/8/2022 là 20.000.000đồng và Buộc Bà P, Ông S phải trả nợ của khoản tiền nợ gốc 15.000.000đồng vay ngày 09/9/2014, số nợ này bà không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H có cho bị đơn vay nhiều lần. Bà H cung cấp bản ghi âm thể hiện bị đơn có nợ số tiền là 20.000.000đồng và số tiền 15.000.000đồng được bị đơn thừa nhận vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P hiện đang trú tại ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Ln nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Bị đơn có đề nghị không hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu bà Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P trả số tiền tổng cộng là 55.000.000đồng Hội đồng xét xử thấy rằng: Những nội dung nguyên đơn và bị đơn thống nhất việc vay tiền khoản 20.000.000đồng và khoản 15.000.000đồng không có làm giấy tờ. Riêng số tiền 15.000.000đồng nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận số nợ. Vì vậy đây được xem

là các tình tiết sự thật của vụ án, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92, 93 Luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P trả nợ gốc 20.000.000 đồng vay ngày 09/4/2014 và tiền lãi phát sinh là 20.000.000đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H cho rằng có cho Ông S, Bà P vay số tiền 20.000.000đồng việc cho vay không có làm giấy tờ gì nhưng bà có đưa tiền Ông T là em rể của Ông S đến nhận dùm và giao lại cho Ông S, Bà P việc này Ông T cũng thừa nhận; ngoài ra Bà H còn cung cấp đoạn ghi âm cuộc gọi giữa bà và Bà P Bà H cho rằng Bà P thừa nhận nợ. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông S và Bà P không thừa nhận số tiền vay 20.000.000đồng này và không đồng ý trả số tiền 20.000.000đồng. Thấy rằng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Huyền chỉ căn cứ vào đoạn ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại với Bà P nhưng trong nội dung đoạn hội thoại cũng không có ý kiến nào của Bà P là thừa nhận còn nợ Bà H số nợ 20.000.000đồng đối với Bà H và Bà H căn cứ lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hữu T cho rằng nhận tiền từ Bà H để đưa cho Ông S để làm căn cứ khởi kiện buộc Ông S, Bà P trả số tiền 20.000.000đồng trong khi bị đơn không thừa nhận là chưa đủ cơ sở vững chắc nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh Huyền yêu cầu Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P trả nợ gốc 20.000.000đồng.

[3.2] Về tiền lãi trên số tiền nợ gốc 20.000.000đồng: Tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu tính lãi suất 08%/1 năm với số tiền 20.000.000đồng từ thời gian từ tháng 09/4/2014 đến ngày 11/8/2022 với số tiền lãi là 20.000.000đồng. Tuy nhiên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu đối với số tiền nợ gốc 20.000.000đồng nên Hội đồng xét xử cũng không chấp yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc là 20.000.000đồng.

[3.3] Đối với việc Bà Nguyễn Thị Thanh H đưa tiền cho Ông Nguyễn Hữu T 20.000.000đồng điều này được Ông Nguyễn Hữu T thừa nhận. Tuy nhiên Bà H, Ông T không đề nghị giải quyết trong vụ án này, nếu sau này Bà Nguyễn Thị Thanh H có tranh chấp số tiền này với Ông T, Ông T với Ông S thì Bà H, Ông T được quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[4] Đối với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P trả nợ gốc 15.000.000đồng vay ngày 09/9/2014, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H cho rằng có cho Ông S, Bà P vay số tiền 15.000.000đồng không có làm giấy tờ gì nhưng quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông S, Bà P thừa nhận còn nợ Bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền 15.000.000đồng nên đây được xem là các tình tiết sự thật của vụ án, không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92, 93 Luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P

phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay 15.000.000đồng cho Bà Nguyễn Thị Thanh H.

[4.1] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Huyền thay đổi yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi đối với số tiền nợ 15.000.000đồng nên đây là quyền tự định đoạt của đương sự có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên đối với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P trả nợ gốc 15.000.000đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P phải chịu 750.000đồng ($15.000.000\text{đồng} \times 5\% = 750.000\text{đồng}$) phần yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận; Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 2.000.000đồng ($40.000.000\text{đồng} \times 5\% = 2.000.000\text{đồng}$) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận theo khoản 2, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P.

Buộc Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền còn nợ là 15.000.000đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Thời gian trả và cách trả: Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn Ông Lê Văn

S, Bà Lê Thị P đối với yêu cầu trả số tiền tổng cộng 40.000.000đồng ngày 09/4/2014 (trong đó tiền gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi phát sinh là 20.000.000đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P phải chịu 750.000đồng (*Bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P chưa nộp.

Buộc Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) án phí phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Khấu trừ số tiền mà Bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp 1.336.000đồng theo biên lai thu số 0003966 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Bà Nguyễn Thị Thanh H còn phải nộp 664.000đồng (*Sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*).

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Hữu T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Ông Lê Văn S, Bà Lê Thị P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- CC THA dân sự huyện Đức Hòa;
- CC THA huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thành